TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/ 2018/ HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 9 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Vân Anh

Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lương Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt, xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bầy: Chị H kết hôn với anh Lương Văn T năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L (nay là phường L, thành phố S). Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 4 đến 5 năm, nhưng dần về sau này đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lý do anh T nhu nhược, hay uống rượu, không tu trí làm ăn, vợ chồng hiện còn ở chung một nhà, nhưng thực tế đã ly thân 7 – 8 năm nay. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu giải quyết ly hôn anh T. Về con chung, chị H và anh T đã có hai con chung là Lương Thị Đài Tr, sinh ngày 04/3/1998 và Lương Tuấn V, sinh ngày 24/8/2002, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung, không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng. Về

tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn T khai về quá trình chị H và anh T kết hôn, chung sống và có hai con chung đúng như chị H đã trình bầy, sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn, đến nay đã phát sinh nhiều mầu thuẫn và không còn hạnh phúc, chị H xin ly hôn, anh T đồng ý. Về con chung, con gái lớn đã trưởng thành trên 18 tuổi, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con trai nhỏ là cháu V. Về tài sản chung, tự thỏa thuận. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Lương Tuấn V trình bầy ý kiến, trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu V có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng, anh T có ý kiến không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên không có mặt, chị H có ý kiến đề nghị không tiến hành hòa giải, nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại biên bản lấy lời khai, anh T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T, về con chung xác định con chung Lương Thị Đài Tr đã trưởng thành trên 18 tuổi, đang học Đại học, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên là cháu V, về điều kiện nuôi con chung, công việc hiện tại chị H mở quán bán hàng cơm, thu nhập khoảng 7.000.000đ đến 10.000.000đ/ 01 tháng, còn anh T làm phụ xây, công việc và thu nhập không ổn định, chị H không yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T; về con chung chưa thành niên, đề nghị giao cháu V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; tài sản và nợ chung không ai yêu cầu giải quyết, không xem xét; buộc chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về ly hôn. Bị đơn cư trú tại thành phố Sông Sông, theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo hai đương sự trình bầy và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H, anh T đã nẩy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T suốt ngày say rượu, không trí thú làm ăn, vợ chồng ly thân đến nay đã 7 – 8 năm. Như vậy, đã có sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T là phù hợp, đúng với ý kiến nguyện vọng của anh T.

Về con chung: Chị H và anh T đã có hai con chung là Lương Thị Đài Tr, sinh ngày 04/3/1998 và Lương Tuấn V, sinh ngày 24/8/2002. Con chung Lương Thị Đài Tr đã trưởng thành trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động; cả chị H và anh T đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Qua lời khai của chị H, anh T và các tài liệu, chứng cứ chị H cung cấp thể hiện, hiện tại cháu V đang ở chung cùng cả bố mẹ, về điều kiện công việc hiện tại của chị H đang bán hàng ăn, thu nhập khoảng 7.000.000đ đến 10.000.000đ/ 01 tháng, còn anh T làm phụ xây, công việc không thường xuyên, thu nhập thấp, lại thưởng xuyên say rượu, phần nào hạn chế trong việc đảm bảo cuộc sống và phát triển lành mạnh đối với cháu V sau này và cháu V có nguyện vọng ở với mẹ, nên giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lương Tuấn V là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên của anh T. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung, chị H và anh T không ai có yêu cầu chia; nợ chung đều xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát xác định, quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn anh T; giao cháu V là con chung chưa thành niên cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và buộc chị H phải chịu án phí ly hôn là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35,39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn anh Lương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Dương Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Tuấn V, sinh ngày 24/8/2002. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T, anh T được quyền thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị H và anh T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Dương Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010881 ngày 12/ 4/ 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn là chị Dương Thị H, vắng mặt bị đơn là anh Lương Văn T. Báo cho chị H biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND phường Lương Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Văn Phong